

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-37
Báo cáo tình hình tài chính	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động	09-10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11-13
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	14
Thuyết minh Báo cáo tài chính	15-37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Xuân Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Lê Thái Hưng	Ủy viên	Từ nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Tô Thành Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/01/2016
Bà Hồ Thị Hiền	Ủy viên	
Ông Nguyễn Xuân Sanh	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Biều	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thái Hưng	Quyền Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15/01/2016
Ông Tô Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Bích Thu	Ủy viên
Bà Dương Thị Trinh	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

Số: 864/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 27 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		229.884.818.611	261.545.626.995
110	I. Tài sản tài chính		116.664.984.514	147.917.271.094
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.601.221.134	2.152.772.505
111.1	1.1 Tiền		1.601.221.134	2.152.772.505
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	34.943.369.600	68.993.619.600
114	3. Các khoản cho vay	5	7.199.714.105	7.547.586.344
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	730.000.000	730.000.000
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(2.669.079.600)	(2.551.449.600)
117	6. Các khoản phải thu	7	6.400.000.000	-
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		6.400.000.000	-
118	7. Trả trước cho người bán		735.191.240	723.361.240
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	69.290.650.849	71.898.724.674
122	9. Các khoản phải thu khác	7	19.362.748.074	20.347.402.117
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(20.928.830.888)	(21.924.745.786)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		113.219.834.097	113.628.355.901
131	1. Tạm ứng		3.061.635.674	3.461.723.380
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		40.362.514	48.796.612
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	110.000.000.000	110.000.000.000
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	117.835.909	117.835.909
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.542.764.391	5.331.831.457
220	II. Tài sản cố định		369.929.175	1.233.890.092
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	324.739.671	762.865.267
222	- Nguyên giá		10.214.935.488	10.214.935.488
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.890.195.817)	(9.452.070.221)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	45.189.504	471.024.825
228	- Nguyên giá		3.535.924.277	3.535.924.277
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.490.734.773)	(3.064.899.452)
250	V. Tài sản dài hạn khác		4.172.835.216	4.097.941.365
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	455.587.598	551.033.102
252	2. Chi phí trả trước dài hạn		-	37.565.712
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	13	3.717.247.618	3.509.342.551
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		234.427.583.002	266.877.458.452

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		18.899.614.515	26.302.867.470
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		18.899.614.515	26.302.867.470
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	10.662.937.426	19.662.937.426
312	1.1 Vay ngắn hạn		10.662.937.426	19.662.937.426
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	15	526.908.325	-
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		161.621.065	84.750.050
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	483.555.430	648.983.347
323	5. Phải trả người lao động		18.696.250	120.507.402
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		42.994.451	34.620.455
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	6.668.350.458	5.510.891.687
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	334.551.110	240.177.103
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		215.527.968.487	240.574.590.982
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	215.527.968.487	240.574.590.982
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		355.958.850.000	355.958.850.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		341.333.000.000	341.333.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		341.333.000.000	341.333.000.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	14.625.850.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.813.981.917	1.813.981.917
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.813.981.917	1.813.981.917
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		(144.058.845.347)	(119.012.222.852)
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(144.058.845.347)	(119.012.222.852)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		234.427.583.002	266.877.458.452

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		34.133.300	34.133.300
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	21	484.000.000	479.000.000
012	3. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	22	24.883.560.000	39.957.410.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	23	535.529.880.000	545.498.430.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		522.221.530.000	521.143.030.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		7.646.450.000	-
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		-	3.377.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		5.661.900.000	20.978.400.000
023	2. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	24	9.824.200.000	3.402.300.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	25	2.353.696.486	16.641.650.340
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.475.168.983	7.896.143.587
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		878.527.503	8.745.506.753
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		878.527.503	8.745.506.753
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	26	2.353.696.486	16.641.650.340
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.353.696.486	16.641.650.340



Hoàng Thị Châu
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	60.350.000
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	11.000.000
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.b)	49.350.000
03	1.2	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.b)	3.296.949.928
06	1.3	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		4.844.573.671
09	1.4	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		-
10	1.5	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		1.210.979.126
11	1.6	Thu nhập hoạt động khác	28.c)	3.182.170
20		Cộng doanh thu hoạt động	7.620.639.181	9.416.034.895
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	19.680.000.000	2.546.130.000
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	2.546.130.000
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	117.630.000	(2.335.260.000)
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.030.657.579	1.386.054.852
30	2.4	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	458.778.344	249.588.457
31	2.5	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	367.115.666	72.814.012
32	2.6	Chi phí các dịch vụ khác	3.773.769.379	3.400.479.327
		<i>Chi phí khác</i>	<i>3.773.769.379</i>	<i>3.197.129.327</i>
40		Cộng chi phí hoạt động	26.427.950.968	5.319.806.648
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 29				
42	3.1	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	256.045.514	293.536.043
50		Cộng doanh thu hoạt động tài chính	256.045.514	293.536.043
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH 30				
52	4.1	Chi phí lãi vay	1.148.658.771	1.801.993.040
60		Cộng chi phí tài chính	1.148.658.771	1.801.993.040
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	5.330.085.942	(4.410.933.383)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(25.030.010.986)	6.998.704.633
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	7.1 Thu nhập khác		498.054.422	577.830.227
72	7.2 Chi phí khác		514.665.931	905.743.966
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(16.611.509)	(327.913.739)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		(25.046.622.495)	6.670.790.894
91	8.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(25.046.622.495)	6.670.790.894
100	IX. CHI PHÍ THUẾ TNDN	32	-	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		(25.046.622.495)	6.670.790.894
500	XI. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	11.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	33	(734)	195



Hoàng Thị Châu
Người lập



Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		(25.046.622.495)	6.670.790.894
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		863.960.917	1.601.106.687
04	- Các khoản dự phòng		(878.284.898)	(13.414.422.187)
06	- Chi phí lãi vay		1.148.658.771	1.801.993.040
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(256.045.514)	(288.580.183)
30	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(24.168.333.219)	(3.629.111.749)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		34.050.250.000	5.538.330.000
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		347.872.239	(181.394.839)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(6.400.000.000)	-
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		2.684.944.840	(8.627.644.463)
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		984.654.043	861.531.598
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		287.628.143	(113.555.976.462)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		8.800.000	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		45.999.810	65.896.838
44	- Lãi vay đã trả		-	(216.385.004)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		515.078.325	(356.070.542)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.373.996	58.162.307
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(165.427.917)	240.191.196
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		(101.811.152)	120.507.402
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		94.374.007	117.761
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.192.403.115	(119.681.845.957)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
62	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	20.460.000
65	2. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		256.045.514	293.536.043
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		256.045.514	313.996.043

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.000.000
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.000.000.000)	(1.000.000.000)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(9.000.000.000)	(1.000.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.000.000.000)	(998.000.000)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(551.551.371)	(120.365.849.914)
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.152.772.505	122.518.622.419
101.1	- Tiền		2.152.772.505	122.518.622.419
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		1.601.221.134	2.152.772.505
103.1	- Tiền		1.601.221.134	2.152.772.505

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		1.654.861.954.498	1.378.446.385.844
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.612.408.779.102)	(1.326.523.125.560)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		281.531.734.545	796.314.640.251
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(338.272.863.795)	(827.975.533.085)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		8.955.169.771	1.726.161
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(8.955.169.771)	(7.614.642.366)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		(14.287.953.854)	12.649.451.245
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		16.641.650.340	3.992.199.095
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		16.641.650.340	3.992.199.095
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		7.896.143.587	2.732.089.555
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		8.745.506.753	1.260.107.260
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		-	2.280
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		2.353.696.486	16.641.650.340
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		2.353.696.486	16.641.650.340
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		1.475.168.983	7.896.143.587
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		878.527.503	8.745.506.753


Hoàng Thị Châu
Người lập


Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng




Nguyễn Xuân Biểu
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

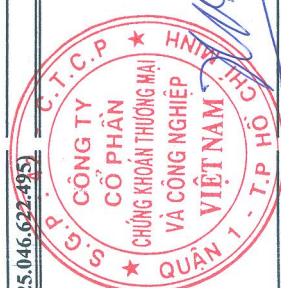
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2016

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm	
		01/01/2015		Năm 2015		31/12/2015	
		VND	Tăng	Giảm	VND	VND	VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		355.958.850.000	-	-	-	355.958.850.000	355.958.850.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		341.333.000.000	-	-	-	341.333.000.000	341.333.000.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần		14.625.850.000	-	-	-	14.625.850.000	14.625.850.000
2. Cổ phiếu quỹ		(10.400.000)	(10.400.000)	-	-	-	-
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		1.813.981.917	-	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		1.813.981.917	-	-	-	1.813.981.917	1.813.981.917
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(125.683.013.746)	6.670.790.894	-	(25.046.622.495)	(119.012.222.852)	(144.058.845.347)
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(125.683.013.746)	6.670.790.894	-	(25.046.622.495)	(119.012.222.852)	(144.058.845.347)
TỔNG CỘNG	19	108.210.386.342	6.670.790.894	(10.400.000)	(25.046.622.495)	240.574.590.982	215.527.968.487

Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017

14
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
AN K

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thành lập và hoạt động theo Giấy phép Thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 88/UBCK-GPHĐKD ngày 11 tháng 01 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 242/UBCK-GP ngày 16/06/2009, Giấy phép điều chỉnh số 355/UBCK-GP ngày 11/10/2010, Giấy phép điều chỉnh số 22/GPĐC-UBCK ngày 30/03/2011, Giấy phép điều chỉnh số 93/GPĐC-UBCK ngày 07/06/2012 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 30/09/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 341.333.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 341.333.000.000 đồng; tương đương 34.133.300 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 01 tháng 12 năm 2009 với mã giao dịch là VIG.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Grand Plaza, 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, TP
Chi nhánh Hà Thành	Tầng 4, Hà Thành Plaza, 102 Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010) và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện: Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Giám đốc chấp thuận.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất. Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.5 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-------------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị quản lý | 03 - 08 năm |
| - Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế | 03 - 08 năm |

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.8 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.9 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

2.11 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.12 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.13 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu, dự thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Lỗ bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.14 . Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của nhà đầu tư	282.192.379	3.267.270.733.600
- Cổ phiếu	282.192.379	3.267.270.733.600
	282.192.379	3.267.270.733.600

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	845.356.126	1.174.536.204
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	753.470.944	976.452.334
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.394.064	1.783.967
	1.601.221.134	2.152.772.505

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	1.345.909.600	230.530.000	1.316.159.600	318.410.000
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	33.597.460.000		67.677.460.000	
	34.943.369.600	230.530.000	68.993.619.600	318.410.000

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ theo giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2016. Nguyên tắc xác định giá trị thị trường được trình bày tại mục d, thuyết minh này.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND
Ủy thác đầu tư góp vốn	730.000.000		730.000.000	
	730.000.000		730.000.000	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động ứng trước tiền bán	7.199.714.105	7.547.586.344
	7.199.714.105	7.547.586.344

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

d) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Cơ sở lập dự phòng năm nay		Giá trị dự phòng VND	Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá số sách VND			
FVTPL					VND
Cổ phiếu niêm yết		34.943.369.600	230.530.000	(1.115.379.600)	(117.630.000)
- DXV	15.000	1.345.909.600	230.530.000	(997.749.600)	(117.630.000)
- SCL	32.900	219.000.000	75.000.000	(160.500.000)	16.500.000
- NET	500	1.097.159.600	138.180.000	(837.249.600)	(121.730.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết		29.750.000	17.350.000	(12.400.000)	(12.400.000)
- Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	245.039	2.700.000.000	-	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Đô	960.000	9.600.000.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 68	499.983	11.897.460.000	-	-	-
- Công ty CP Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Hà Nội	783.334	9.400.000.000	-	-	-
AFS		730.000.000		(730.000.000)	
Ủy thác đầu tư góp vốn		730.000.000		(730.000.000)	
- Dự án Hồ Thủy Tiên - TP Huế	-	220.000.000		(220.000.000)	
- Công ty CP đầu tư thời báo Chứng khoán Việt Nam	-	510.000.000		(510.000.000)	
		35.673.369.600	230.530.000	(1.845.379.600)	(117.630.000)

Ghi chú:

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối năm do không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản ủy thác đầu tư góp vốn, Công ty không thu thập được bất cứ thông tin nào liên quan đến các đơn vị này nên Công ty đang thận trọng trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư.
- Nguyên tắc tính xác định giá trị thị trường: Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày lập báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	823.700.000	823.700.000
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	730.000.000	730.000.000
Dự phòng giảm giá tài sản tài chính	1.115.379.600	997.749.600
	2.669.079.600	2.551.449.600

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	6.400.000.000	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	69.290.650.849	71.898.724.674
- Phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	69.230.650.849	71.275.524.674
- Phải thu các dịch vụ khác	60.000.000	623.200.000
Phải thu khác	19.362.748.074	20.347.402.117
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	15.764.944.459	16.146.172.573
- Phải thu CBCNV hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	2.535.405.778	3.171.084.742
- Phải thu khác	1.062.397.837	1.030.144.802
	95.053.398.923	92.246.126.791

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay			Số cuối năm VND	Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND		
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	89.284.417.128	21.924.745.786	5.909.033	(1.001.823.931)	20.928.830.888	21.924.745.786
- Phải thu CBCNV hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	2.535.405.778	3.156.001.595	-	(620.595.817)	2.535.405.778	3.156.001.595
- Phải thu lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ	15.764.944.459	16.146.172.573	-	(381.228.114)	15.764.944.459	16.146.172.573
- Phải thu khách hàng hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ (*)	69.230.650.849	874.155.576	909.033	-	875.064.609	874.155.576
- Trả trước cho người bán	723.271.240	718.271.240	5.000.000	-	723.271.240	718.271.240
- Phải thu khác	1.030.144.802	1.030.144.802	-	-	1.030.144.802	1.030.144.802
	89.284.417.128	21.924.745.786	5.909.033	(1.001.823.931)	20.928.830.888	21.924.745.786

(*) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh cũ được tính dựa trên chênh lệch giữa số dư nợ phải thu và tài sản đảm bảo là chứng khoán. Giá trị tài sản đảm bảo này được tính theo giá thị trường tại ngày 31/12/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC**a) Ngắn hạn**

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Đặt cọc mua văn phòng (*)	110.000.000.000	110.000.000.000
	<u>110.000.000.000</u>	<u>110.000.000.000</u>

b) Dài hạn

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	455.587.598	551.033.102
	<u>455.587.598</u>	<u>551.033.102</u>

(*) Khoản tiền đặt cọc mua bất động sản làm văn phòng Công ty theo hợp đồng môi giới số 02.2015/VICS-VLX ngày 05/01/2015 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân. Theo Phụ lục hợp đồng số 07/02.2015/VICS-VLX ngày 05/10/2016, hai bên tiếp tục thời gian gia hạn hợp đồng 03 tháng kể từ ngày 05/10/2016 đến ngày 05/01/2017, Công ty Cổ phần Vàng Lộc Xuân tiếp tục nhận khoản tiền 110 tỷ đồng Công ty đã chuyển để làm căn cứ tìm vị trí để bên B làm văn phòng trụ sở Công ty.

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	117.835.909	117.835.909
	<u>117.835.909</u>	<u>117.835.909</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u> VND	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2016	1.057.495.150	3.615.436.604	5.542.003.734	10.214.935.488
Tại ngày 31/12/2016	1.057.495.150	3.615.436.604	5.542.003.734	10.214.935.488
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2016	1.002.417.310	3.165.640.078	5.284.012.833	9.452.070.221
Khấu hao trong năm	55.077.840	280.663.842	102.383.914	438.125.596
Tại ngày 31/12/2016	1.057.495.150	3.446.303.920	5.386.396.747	9.890.195.817
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	55.077.840	449.796.526	257.990.901	762.865.267
Tại ngày 31/12/2016	-	169.132.684	155.606.987	324.739.671

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.598.040.083 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm giao dịch, kế toán với nguyên giá là: 3.535.924.277 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2016 là: 3.490.734.773 đồng, trong đó khấu hao tài sản cố định vô hình trong năm là 425.835.321 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.326.783.055	2.326.783.055
Tiền lãi phân bổ trong năm	1.270.464.563	1.062.559.496
Số dư cuối năm	3.717.247.618	3.509.342.551

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH NN MTV Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội	19.662.937.426	-	(9.000.000.000)	10.662.937.426
	<u>19.662.937.426</u>	<u>-</u>	<u>(9.000.000.000)</u>	<u>10.662.937.426</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Hợp đồng vay tiền số 54/HĐVT/VICS ngày 17/12/2010, phụ lục ngày 01/09/2013 với nội dung như sau:

- + Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: 03 tháng (tự động gia hạn khi đáo hạn);
- + Lãi suất vay: 9%/năm;
- + Hình thức đảm bảo khoản vay: tín chấp.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	526.908.325	-
	<u>526.908.325</u>	<u>-</u>

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	17.015.682	76.776.873
Thuế Thu nhập cá nhân	466.539.748	572.206.474
	<u>483.555.430</u>	<u>648.983.347</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.659.550.458	5.510.891.687
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	8.800.000	-
	<u>6.668.350.458</u>	<u>5.510.891.687</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	104.625.000	104.625.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	229.926.110	135.552.103
	334.551.110	240.177.103

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Asean Small Cap Fund	12,73%	43.444.000.000	12,73%	43.444.000.000
Các cổ đông khác	87,27%	297.889.000.000	87,27%	297.889.000.000
	100%	341.333.000.000	100%	341.333.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(144.058.845.347)	(119.012.222.852)
	(144.058.845.347)	(119.012.222.852)

c) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	34.133.300	34.133.300
- Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.133.300	34.133.300
- Cổ phiếu phổ thông	34.133.300	34.133.300
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

20 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Loại lớn hơn 1 năm	341.333.000.000	341.333.000.000
	341.333.000.000	341.333.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	484.000.000	479.000.000
	484.000.000	479.000.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	24.883.560.000	39.957.410.000
	24.883.560.000	39.957.410.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	522.221.530.000	521.143.030.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	7.646.450.000	-
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	3.377.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.661.900.000	20.978.400.000
	535.529.880.000	545.498.430.000

24 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	9.824.200.000	3.402.300.000
	9.824.200.000	3.402.300.000

25 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.475.168.983	7.896.143.587
1. Nhà đầu tư trong nước	1.475.168.983	7.896.143.587
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	878.527.503	8.745.506.753
1. Nhà đầu tư trong nước	878.527.503	8.745.506.753
	2.353.696.486	16.641.650.340

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

26 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.475.168.983	7.896.143.587
1.1. Nhà đầu tư trong nước	1.475.168.983	7.896.143.587
2. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	878.527.503	8.745.506.753
2.1. Nhà đầu tư trong nước	878.527.503	8.745.506.753
	<u>2.353.696.486</u>	<u>16.641.650.340</u>

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	7.199.714.105	7.547.586.344
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán <i>Nhà đầu tư trong nước</i>	7.199.714.105	7.547.586.344
	<u>7.199.714.105</u>	<u>7.547.586.344</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

28 . THU NHẬP

a) **Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán		Tổng giá vốn	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
		VND	VND		Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết								
- TIG	329.900	3.903.600.000	5.519.730.000	-	-	11.000.000	1.616.130.000	
- VIG	500	2.000.000	5.509.330.000	-	-	-	1.607.730.000	
Cổ phiếu chưa niêm yết								
- Công ty Cổ phần Tòa nhà Công nghệ Thông tin - Truyền thông Hà Nội	2.400.000	24.000.000.000	47.730.000.000	-	19.680.000.000	11.000.000	8.400.000	
- Cổ phiếu cơ khí môi trường công nghệ	250.000	3.120.000.000	4.050.000.000	-	19.680.000.000	-	930.000.000	
		31.023.600.000	53.249.730.000	-	19.680.000.000	11.000.000	2.546.130.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Từ các khoản cho vay	1.010.809.191	3.296.949.928
	1.010.809.191	3.296.949.928
c) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	13.026.330	3.182.170
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu khác	13.026.330	3.182.170
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	13.026.330	3.182.170
29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	256.045.514	293.536.043
	256.045.514	293.536.043
30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.148.658.771	1.801.993.040
	1.148.658.771	1.801.993.040
31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN		
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	2.965.534.770	2.804.532.286
Chi phí vật tư văn phòng	77.086.068	95.549.991
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	623.873.218	1.269.500.421
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.834.000	14.429.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(995.914.898)	(11.282.512.187)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	645.811.701	156.915.377
Chi phí khác	2.007.861.083	2.530.651.729
	5.330.085.942	(4.410.933.383)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAMVilla số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(25.046.622.495)	6.670.790.894
Các khoản điều chỉnh tăng	-	341.516.667
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	341.516.667
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(7.012.307.561)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	(49.350.000)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	-	(6.962.957.561)
Tổng thu nhập tính thuế	(25.046.622.495)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(25.046.622.495)	6.670.790.894
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(25.046.622.495)	6.670.790.894
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	34.133.300	34.133.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(734)	195

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	5.946.394.569	-	1.674.244.612	7.620.639.181
Chi phí hoạt động	2.489.435.923	19.797.630.000	4.140.885.045	26.427.950.968
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	256.045.514
Chi phí không phân bổ	-	-	-	6.478.744.713
Kết quả hoạt động	3.456.958.646	(19.797.630.000)	(2.466.640.433)	(25.030.010.986)
Tài sản bộ phận trực tiếp	3.717.247.618	39.404.290.000	75.460.220.152	118.581.757.770
Tài sản không phân bổ	-	-	-	115.845.825.232
Tổng tài sản	3.717.247.618	39.404.290.000	75.460.220.152	234.427.583.002
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-	18.899.614.515
Tổng nợ phải trả	-	-	-	18.899.614.515

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ các hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Villa số 03, số 02 bis Nguyễn Thị Minh Khai,
phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.300.702.112	1.330.480.964

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo Tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính.

Hoàng Thị Châu
Người lập

Vũ Huyền Trâm
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Biều
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2017